

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 3 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường vì toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) được thu gom, xử lý cục bộ, sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, lượng dư sau khi tái sử dụng được dẫn đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Nhơn Hòa ngày 24/01/2025), không xả thải ra môi trường.

Vị trí hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa có tọa độ X = 1.529.867; Y = 587.258 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ} 15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua Bể tự hoại 03 ngăn, sau đó tự chảy theo đường ống nhựa PVC D114mm về Bể trung gian và tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D400mm về Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua Bể tách dầu mỡ, sau đó tự chảy theo đường ống HDPE D400mm về Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ các bồn rửa tay, nước thoát sàn nhà tắm được thu gom, xử lý sơ bộ tại Bể nước tắm giặt, sau đó tự chảy theo đường ống HDPE D400mm về Bể lấy mẫu nước thải nằm trong mặt bằng dự án và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Nhơn Hòa.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy nồi hơi được thu gom, tự chảy theo đường ống thép không gỉ D90mm dẫn về hố ga đặt gần nhà lò hơi, sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D400mm về Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bộ làm mềm nước cấp lò hơi được thu gom, tự chảy theo đường ống PVC D60mm dẫn về hố ga đặt gần nhà lò hơi, sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống HDPE D400mm về Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được thu gom, tự chảy theo đường ống HDPE D400mm về Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước chảy tràn, rò rỉ từ máy móc, thiết bị sản xuất được thu gom, tự chảy theo hệ thống rãnh thoát nước thải xung quanh khu vực lắp đặt máy móc, thiết bị (kích thước rộng 400mm x sâu 500mm) về Bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Từ đây, nước thải được bơm qua Bể tuyển nổi 1 để xử lý (nhằm thu hồi lượng bột giấy để tái sử dụng) trước khi nhập chung với các dòng nước thải nêu trên để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sau lọc đĩa (lượng dư sau khi tái sử dụng) được bơm dẫn theo đường ống PVC D160mm về Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

### **a) Tóm tắt quy trình xử lý:**

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể trung gian → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Bể lấy mẫu nước thải → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

+ Nước thải phát sinh từ nhà ăn → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Bể lấy mẫu nước thải → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

+ Nước thải phát sinh từ các bồn rửa tay, nước thoát sàn nhà tắm → Bể nước tắm giặt → Bể lấy mẫu nước thải → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải sau lọc đĩa (lượng dư sau khi tái sử dụng); nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi; nước thải từ quá trình xả đáy nồi hơi; nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bộ làm mềm nước cấp lò hơi; nước chảy tràn, rò rỉ từ máy móc, thiết bị sản xuất (sau khi xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể tuần hoàn → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, lượng dư được dẫn đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

+ Trường hợp nước thải tại Bể chứa nước thải sau xử lý chưa đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT, cột B1 để tái sử dụng và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Nhơn Hòa thì được tiếp tục bơm qua Bể tuyển nổi 2 để xử lý.

### **b) Công suất thiết kế của công trình, thiết bị xử lý:**

+ 01 Bể tự hoại: Dung tích 43,8 m<sup>3</sup>.

+ 01 Bể trung gian: Dung tích 16,8 m<sup>3</sup>.

+ 01 Bể tách mỡ: Dung tích 4,9 m<sup>3</sup>.

+ 01 Bể nước tắm giặt: Dung tích 16,8 m<sup>3</sup>.

+ 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, PAM, Polymer Cation, men vi sinh, mật rỉ, ure (hoặc các vật liệu, hóa chất khác tương đương).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Xây dựng 01 Bể sự cố, dung tích 900 m<sup>3</sup>, kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm để lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và bảo trì hệ thống bơm, đường ống dẫn nước thải và các công trình, thiết bị khác của các hệ thống xử lý nước thải tập trung, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn hoặc ngưng trệ hệ thống xử lý, không để rò rỉ nước thải ra bên ngoài.

- Tổ chức vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật nhận chuyển giao từ đơn vị thiết kế, thi công.

- Các hố ga, bể xử lý nước thải phải luôn đảm bảo kín, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trường hợp xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Nhơn Hòa thì Chủ dự án phải chủ động đóng van xả nước thải ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa, bơm nước thải về Bể sự cố và thực hiện ngay công tác kiểm tra, rà soát để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục.

Trường hợp sự cố kéo dài quá sức chứa của Bể sự cố thì Chủ dự án phải tạm dừng các hoạt động có phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Sau khi sự cố đã được khắc phục, phải bơm nước thải trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép trước khi tái sử dụng hoặc đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa. Thông báo về đơn vị tiếp nhận nước thải và Ban Quản lý Khu kinh tế để phối hợp hỗ trợ, giải quyết kịp thời.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững các quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý

nước thải tập trung, công suất 700 m<sup>3</sup>/ngày.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Bể điều hòa.

- 01 vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Bể lấy mẫu nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Nhơn Hòa. Cụ thể:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	COD	mg/l	400	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
02	BOD <sub>5</sub>	mg/l	100		
03	TSS	mg/l	200		
04	Độ màu	Pt-Co	300		
05	pH	-	5-9		
06	Amoni	mg/l	30		
07	Tổng N	mg/l	80		
08	Tổng P	mg/l	16		
09	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	100.000		
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20		

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 (việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra)).

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2, phần B Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Hòa, không xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 (**Lưu ý:** Chủ dự án phải gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý Khu kinh tế trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý Khu kinh tế trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày).

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này hoặc xả nước thải ra ngoài môi trường.

**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2025  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi công suất 17 tấn/giờ.
- Nguồn số 02: Khí biogas phát sinh từ bể UASB của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, công suất 100 KVA.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thoát của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 17 tấn/giờ (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả thải: X = 1.530.065, Y = 587.108 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $108^{\circ}15'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

Vị trí xả khí thải nằm trong mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất giấy bao bì của Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Bình Định tại lô E18.2 + E9.2, KCN Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 40.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K<sub>p</sub> = 0,9 và K<sub>v</sub> = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
02	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
03	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
04	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		
05	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
06	Nhiệt độ	°C	-		

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng

quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải bằng đường ống thép không gỉ D700mm thông qua 01 quạt hút, công suất 30 kW.

- Nguồn số 02: Được thu gom theo đường ống inox, đường kính 90mm - 140mm dẫn về thiết bị đốt khí biogas.

- Nguồn số 03: Được dẫn thoát ra môi trường qua ống thoát cao 06m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải (hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 17 tấn/giờ):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon chùm → Quạt hút → Bộ hâm nước sơ cấp → Tháp hấp thụ → Ống thoát → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 40.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(OH)<sub>2</sub> (hoặc các hóa chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục A phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải để bị hư hỏng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò hơi và hệ thống xử lý khí thải nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra liên quan đến các hoạt động phát sinh khí thải, Chủ dự án phải tạm dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, xác định nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn và hệ thống thu gom, xử lý khí thải hoạt động đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì mới được hoạt động trở lại các công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững các quy trình vận hành của hệ thống xử lý khí thải và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo

đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 17 tấn/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 17 tấn/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 (việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải (03 mẫu khí thải đầu ra)).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải; lắp đặt sàn thao tác, vị trí lấy mẫu tại ống thoát của hệ thống xử lý khí thải để phục vụ công tác lấy mẫu (vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại điểm 3.4, mục 3, phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3.5. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng hàng hóa, sản phẩm.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 3 năm 2025  
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn số 01: Khu vực lắp đặt máy nén khí.

Nguồn số 02: Khu vực lắp đặt máy sàng rung.

Nguồn số 03: Khu vực lắp đặt máy phát điện dự phòng.

Nguồn số 04: Khu vực lắp đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nguồn số 05: Khu vực lắp đặt băng tải và máy nghiền.

2. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
01	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
01	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn hệ thống máy móc, thiết bị của dự án để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2025 của  
Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
01	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
02	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	10
03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100
04	Ắc quy chì thải	19 06 01	20
05	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
<b>Tổng cộng</b>			<b>150</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>STT</b>	<b>Các loại chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
01	Tro đáy, xỉ lò hơi; bụi, tro bay từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	1.740.000
02	Ni lông, băng dính thải	918.000
03	Đinh, ghim thải	54.000
04	Tạp chất khác trong nguyên liệu	108.000
05	Dây đai, dây kẽm buộc giấy	108.000
06	Xơ sợi, bột giấy thải từ hệ thống xử lý nước thải	2.160.000
07	Bùn từ bể tự hoại	19.200
08	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	74.520
09	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải	50
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.181.770</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 1,66 tấn/tháng.
- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại dự án.

### 1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	100
02	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	500
03	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	500
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.100</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: Xây dựng 01 kho chứa, diện tích 14 m<sup>2</sup>, tại vị trí tiếp giáp phía Đông Nam nhà lò hơi để lưu chứa chất thải nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khí, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; gờ chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải, nhãn cảnh báo và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC, có vật liệu hấp thụ,... theo quy định.

### 2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho chứa/khu vực lưu chứa:

+ Xây dựng 01 kho chứa, diện tích 50 m<sup>2</sup>, tại vị trí tiếp giáp phía Đông Nam nhà lò hơi để lưu chứa các thành phần như: đinh, ghim, dây đai, dây kềm, các tạp chất trong nguyên liệu,...

+ Bố trí 01 khu vực bên trong nhà lò hơi, diện tích 15 m<sup>2</sup> để lưu chứa tro xỉ, bụi phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

+ Bố trí 01 khu vực bên cạnh Bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung, diện tích 10 m<sup>2</sup> để lưu chứa bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Mặt sàn đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; che chắn xung quanh không để bụi phát tán ra môi trường hoặc chảy tràn chất thải ra ngoài mặt bằng;...

### 2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực xưởng sản xuất, nhà ăn, nhà văn phòng để phân loại, đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

- Không bố trí kho lưu chứa riêng. Các thành phần chất thải có khả năng tái chế được thu gom, lưu chứa chung tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường nêu trên.

\* Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải và định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 3 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của dự án trên cổng thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Nhơn Thọ trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường này.
2. Trồng và duy trì cây xanh trên mặt bằng trong suốt quá trình hoạt động luôn đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp.
5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.
6. Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định.
7. Thực hiện phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát (*là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường*) để có cơ sở quản lý, xử lý đúng quy định. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.
8. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng hóa chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
9. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án.
10. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới./.